

ẨN DỤ Ý NIỆM CẢM XÚC CON NGƯỜI LÀ MÀU SẮC TRONG TIẾNG VIỆT

Nguyễn Thị Liên*

Trường Đại học Phú Yên

Tóm tắt

Ẩn dụ ý niệm dưới góc nhìn của ngôn ngữ học tri nhận là một trong những hình thức ý niệm hóa, một quá trình tri nhận có chức năng biểu hiện và hình thành những ý niệm mới. Là một cơ chế nhận thức mà thông qua nó, logic của những khái niệm có tính trừu tượng được thay thế bằng logic của những khái niệm có tính cụ thể hơn, ẩn dụ ý niệm có nền móng là trải nghiệm thể chất. Bản chất của ẩn dụ và mối quan hệ giữa nó với ngôn ngữ biểu đạt đã thu hút sự quan tâm khai phá của các nhà nghiên cứu từ nhiều góc độ khác nhau. Trong phạm vi bài báo khoa học này, chúng tôi hướng sự quan tâm vào những ẩn dụ ý niệm mà trong đó màu sắc như là một ý niệm nguồn gắn với miền đích cảm xúc con người.

Từ khóa: *ẩn dụ ý niệm, màu sắc, biểu thức ngôn ngữ, cảm xúc, miền nguồn, miền đích.*

Abstract

Conceptual metaphor of human emotions is color in the Vietnamese language

Conceptual metaphor in cognitive linguistics is one of the forms of conceptualization – a cognitive process whose function is to express and form new ideas. It is a cognitive mechanism, through which the logic of abstract concepts is replaced by that of more specific concepts. Conceptual metaphor is based on physical experiences. The nature of metaphor and the relationship between it and the language of expression has attracted the attention of researchers from many different angles. In the context of this scientific paper, we pay our attention to the conceptual metaphor in which color is used as a source concept associated with the domain of human emotion.

Key words: *conceptual metaphor, color, language expression, emotion, source domain, destination domain*

1. Mở đầu

1.1. Theo những cách thức và từ nhiều góc độ khác nhau, vấn đề ẩn dụ thu hút sự quan tâm chú ý của các nhà nghiên cứu trong nhiều lĩnh vực. Tuy nhiên, từ thế kỷ XX, với sự phát triển của ngôn ngữ học tri nhận, việc nghiên cứu ẩn dụ được nhìn từ một lăng kính mới, không giới hạn như một biện pháp tu từ trong lĩnh vực ngôn ngữ mà còn là sự ánh xạ tinh thần, phản ánh phương thức tư duy sáng tạo của con người. Ẩn dụ được xem là “một trong những hình thức tư duy ý niệm, phản ánh sự nhận thức và ý niệm hóa của con người về thế giới xung quanh qua các biểu thức ngôn ngữ” [Lakff & Johnson, 2003, tr.3].

Trên quan điểm nhận thức, ẩn dụ ý niệm (conceptual metaphor) là hiện tượng ý niệm hóa trong cách nhìn, cách nghĩ về thế giới của con người – nhìn đối tượng này thông qua một đối tượng khác. Là một ánh xạ tinh thần, ẩn dụ tác động đến cách suy nghĩ và hành động của con người trong đời sống hàng ngày. Theo đó, nhờ phương thức ẩn dụ, con người

* Email: ngoclienpy@gmail.com

nhận biết thế giới vật chất và tinh thần. Nghiên cứu cơ chế chuyển đổi ý niệm, các nhà nghiên cứu ngôn ngữ học tri nhận đã chỉ ra cơ chế tri nhận của ẩn dụ ý niệm gồm miền Nguồn và miền Đích, là sự chiếu xạ giữa một miền Nguồn có tính vật chất, cụ thể lên một miền Đích có tính trừu tượng. Việc lựa chọn cặp nguồn – đích cụ thể nào lại được quyết định thông qua cơ sở trải nghiệm. Những cặp nguồn – đích mang tính ý niệm như vậy lại sản sinh ra những cách biểu đạt ngôn ngữ mang tính ẩn dụ. Nói tóm lại, về bản chất “ẩn dụ cho phép chúng ta hiểu đối tượng tương đối trừu tượng hoặc đối tượng phi cấu trúc hóa thông qua đối tượng cụ thể hơn hoặc ít ra thông qua đối tượng đã được cấu trúc hóa cao hơn” [2, tr. 71]. Đây là phương thức tư duy có tính phổ quát nhân loại đồng thời lại mang màu sắc đặc trưng gắn liền với đặc trưng văn hóa mỗi cộng đồng ngôn ngữ nhất định.

1.2. Là một thành tố cơ bản của tâm lý con người, cảm xúc đóng vai trò hết sức quan trọng trong đời sống con người. Vì thế, nó trở thành một địa hạt thu hút các nhà khoa học từ nhiều trường phái khác nhau. Không bác bỏ quan điểm tư tưởng cho rằng cảm xúc có cơ sở về mặt sinh lý, đứng về góc độ nghiên cứu ngôn ngữ có quan hệ với cảm xúc, các nhà ngôn ngữ học tri nhận cũng đưa ra tiêu chí để phân loại cảm xúc. Về mặt giá trị tri nhận, Trần Văn Cơ [2] đã phân loại cảm xúc thành hai cực: cảm xúc dương tính – cảm xúc tích cực và cảm xúc âm tính – cảm xúc tiêu cực bằng cách định dạng cảm xúc gắn với các từ “nổi” và “niềm”. Cảm xúc dương tính được gọi nên bởi những tác động có ích, kích thích chủ thể vươn tới những hành động tốt đẹp, cao cả (*hài lòng, hạnh phúc, hi vọng, say mê, tin tưởng, tự hào, yêu...*). Cảm xúc âm tính, ngược lại, kích thích con người hành động tiêu cực (*buồn, ghen, nghi ngờ, sợ hãi, đau khổ...*). Giữa hai cực đó là những cảm xúc tùy theo hoàn cảnh mà có thể có xu hướng tích cực hoặc tiêu cực [2, tr.171]. Hơn nữa, ngôn ngữ cảm xúc được sử dụng trong các nền văn hóa khác nhau phần lớn mang tính ẩn dụ.

1.3. Thế giới thiên nhiên xung quanh con người và thế giới do con người tạo ra vốn mang đầy màu sắc. Là thuộc tính cố hữu của thiên nhiên, yếu tố tinh thần đặc sắc của loài người, màu sắc là một trong những dạng thức văn hóa đầu tiên được ghi lại và ký hiệu hóa thông qua ngôn ngữ. Trong tiếng Việt, ý niệm màu sắc tồn tại như một ý niệm nguồn đã chuyển sang một phạm trù ý niệm mới về đời sống tinh thần của con người. Các thuộc tính cơ bản của màu sắc chuyển di sang một miền đích trừu tượng: tình cảm con người. “Bức tranh” ẩn dụ ý niệm trong tiếng Việt, do vậy có sự góp mặt của ẩn dụ ý niệm màu sắc.

Trong vô số các địa hạt khác nhau, các ẩn dụ ý niệm đề cập đến tình cảm, cảm xúc của con người thu hút sự quan tâm chú ý của các nhà nghiên cứu tiếng Việt từ góc độ ngôn ngữ học tri nhận. Các cung bậc khác nhau của cảm xúc là những ý niệm đặc thù của văn hóa Việt. Các khuynh hướng nổi bật của tình cảm của con người – tình yêu, sự thù hận, cảm xúc vui, buồn ... vốn khó định hình, đã được các nhà nghiên cứu lý giải thông qua những miền nguồn cụ thể được người Việt tri nhận: *lửa* [7], *hành trình* [3], *khu vực* [4]... Mỗi ẩn dụ ý niệm này là một chiếu xạ cho phép ta hiểu rõ về miền ý niệm đích – tình cảm con người cũng như cách hình thành ý niệm này trong lối tư duy của người Việt. Bước đầu khảo sát ẩn dụ ý niệm CẢM XÚC CON NGƯỜI LÀ MÀU SẮC, tập trung ở các cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, góp phần làm hoàn thiện bức tranh nghiên cứu chung về ẩn dụ ý niệm, làm sáng tỏ phương thức tư duy của người Việt qua các biểu thức ngôn ngữ dưới góc độ ngôn ngữ học tri nhận là mong muốn của chúng tôi trong bài viết này.

2. Ý niệm CẢM XÚC CON NGƯỜI LÀ MÀU SẮC trong tiếng Việt

2.1. Tiếng Việt có một lượng từ khá phong phú để biểu đạt màu sắc, thể hiện đặc thù văn hóa dân tộc. Mảng hiện thực độc đáo – màu sắc, được người Việt tri nhận, giải mã cụ thể và tinh tế. Không dừng lại ở việc tri nhận màu sắc bằng các phương tiện ngôn ngữ như từ, ngữ, người Việt còn sử dụng phương thức ẩn dụ màu sắc để thể hiện những ý niệm mới, bộc lộ cách tư duy, đặc thù trong nhận thức về thế giới xung quanh. Nghiên cứu ẩn dụ ý niệm màu sắc trong tiếng Việt, chúng tôi nhận thấy trong ẩn dụ ý niệm CẢM XÚC CON NGƯỜI LÀ MÀU SẮC, miền Nguồn có những yếu tố đặc trưng cụ thể như: sắc độ, độ sáng, độ bão hòa, cảm giác nhiệt độ về màu, tính bắt mắt... được gán cho miền Đích là cảm xúc – vốn là cái hết sức trừu tượng. Về cơ bản, có thể cụ thể hóa mô hình chiếu xạ bằng sơ đồ: sắc độ - chiều sâu của cảm xúc, độ sáng – độ mãnh liệt của cảm xúc, cảm giác nhiệt độ về màu – độ mãnh liệt của cảm xúc, độ bão hòa – sự tăng giảm trong cung bậc cảm xúc.... Ẩn dụ ý niệm CẢM XÚC CON NGƯỜI LÀ MÀU SẮC được biểu hiện qua các ẩn dụ bộ phận khác nhau gắn liền với miền nguồn màu sắc. Trong bài viết này chúng tôi tập trung làm rõ các ẩn dụ ý niệm màu sắc: VUI LÀ MÀU SẮC, BUỒN LÀ MÀU SẮC, GIẬN DỮ LÀ MÀU SẮC.

2.2. Các ẩn dụ ý niệm CẢM XÚC CON NGƯỜI LÀ MÀU SẮC trong tiếng Việt

2.2.1. VUI LÀ MÀU SẮC

Cảm xúc là một trong những hiện tượng trọng tâm và thông thường trong trải nghiệm của con người. Các nhà ngôn ngữ học cho rằng, về bản chất, cảm xúc của con người là trừu tượng, phần lớn được ý niệm hóa và biểu hiện qua ẩn dụ dựa trên trải nghiệm cơ thể của con người. Dựa vào xu hướng dương tính hay âm tính của giá trị, cảm xúc được chia thành hai nhóm: cảm xúc tích cực (vui mừng, hy vọng) và cảm xúc tiêu cực (buồn, lo âu, giận dữ, thù hận...). Trong tiếng Việt, nhóm cảm xúc tích cực gắn liền với những màu sắc dương tính về độ sáng, độ bão hòa. Ngược lại, các cảm xúc tiêu cực gắn liền với các màu âm tính về các thuộc tính sắc độ, độ sáng, độ bão hòa, cảm nhận nhiệt độ.

Theo quy luật tâm lý, màu sắc và nhiệt độ ngoại cảnh có mối liên hệ với sự trải nghiệm cảm xúc của con người, những màu được coi là màu nóng (*đỏ, cam, vàng*) có tính nhiệt và độ sáng cao sẽ tạo cảm giác vui vẻ cho con người, tác động vào tâm lý khiến con người hoạt bát, năng động hơn. Ngược lại, những màu có tính nhiệt thấp – màu lạnh, trung tính về sắc độ như *đen, xám* gắn liền với những sự vật hiện tượng đặc thù bên ngoài (*mây đen, trời xám, bầu trời tối đen...*) sẽ tạo nên cảm giác u buồn, trầm mặc trong cảm xúc của con người. Do vậy, có thể nhận thấy trong tiếng Việt, Ẩn dụ VUI LÀ MÀU SẮC được thể hiện ở các ẩn dụ thứ cấp: VUI LÀ MÀU ĐỎ, HY VỌNG LÀ MÀU XANH + VUI LÀ MÀU ĐỎ

Đỏ là màu rất đặc biệt, nó là màu đầu tiên được con người tri nhận. Với biểu hiện dương tính rõ rệt về các thuộc tính cơ bản của màu như độ sáng, tính nhiệt, *đỏ* thường gợi lên sự liên tưởng đến cảm xúc tích cực bậc cao - vui sướng. Thông thường con người cảm nhận hệ quả sinh lý của cảm xúc vui sướng, phấn khích thể hiện qua sự thay đổi trên nét mặt, đôi mắt, nhiệt độ cơ thể. Niềm vui khiến cơ thể con người thay đổi nhiệt độ (thân nhiệt tăng), khiến cho gương mặt đỏ lên, ánh mắt long lanh nên cảm xúc thể hiện “mừng ra mặt”, “vui ra mặt”. Với xu hướng ấy, con người đã dùng màu sắc có đặc tính nổi bật nổi bật về sắc độ, tính nhiệt – màu đỏ để biểu đạt tính chất cảm xúc.

Mặt khác, màu đỏ, thuộc gam màu nóng (*đỏ, cam, vàng*). Tính nhiệt cao của màu thường gắn liền với liên tưởng của con người về màu của lửa, của lá mùa thu, của hoàng

hôn. Nói chung, màu đỏ, thường được coi là màu của sinh lực, của đam mê, tích cực. Những giá trị biểu đạt này của *đỏ* cùng với các thuộc tính tiêu biểu: sắc độ, độ bão hòa, tính nhiệt ảnh hưởng rất lớn đến cảm nhận của con người, đặc biệt là cảm nhận cung bậc cảm vui mừng của con người. Cách nhìn nhận, đánh giá giá trị của màu đỏ, cần nói thêm, thể hiện nét đặc thù của văn hóa cộng đồng ngôn ngữ. Nếu ở Nam Phi màu đỏ là màu của tang tóc, thì trong các nền văn hóa phương Đông, đỏ là màu của thịnh vượng. Trong tiếng Việt, màu đỏ thường gắn những sự kiện vui, thể hiện cảm xúc tích cực của con người. Nhìn nhận giá trị tích cực trong cảm xúc vui mừng thông qua các biểu thức ngôn ngữ gắn liền với màu đỏ là xu hướng dễ nhận thấy trong tiếng Việt:

(1) *Vẫn ước mơ đời hồng*

Đọc thơ anh trong tối

Vẫn đợi ngày thành công

(Chế Lan Viên – *Ngoảnh lại 15 năm*).

(2) *Mái tóc Bác đã phai màu quá nửa*

Lòng son ngời như buổi mới ra đi

(Chế Lan Viên – *Người thay đổi đời tôi, Người thay đổi thơ tôi*).

(3) *Một ngày vui lại đến rồi*

Phòng cha hồng với bên ngoài hồng lên.

(Chế Lan Viên – *Con thức dậy*)

(4) *Nỗi vui ta như một bức tranh màu*

Nỗi giết giặc lòng ta tô sắc đỏ

(Chế Lan Viên – *Suy nghĩ 1966*)

(5) *Đứng ngã ba đường cây gạo son*

Người tình nhân đỏ chói môi hôn

Xe ta qua mãi mà không dứt

Chiều tối màu son đỏ chói hôn.

(Chế Lan Viên – *Hoa gạo son*)

Qua các ví dụ trên, có thể thấy rằng ý niệm VUI LÀ MÀU ĐỎ làm nổi bật lên những phương diện tích cực khác nhau trong cảm xúc vui sướng của con người. Miền Nguồn với các thuộc tính nổi bật: sắc độ tươi sáng, tính nhiệt cao là những biểu hiện cụ thể làm rõ sự dâng cao của cung bậc cảm xúc vui vẻ, phấn khích trong tâm hồn con người (1), sự phấn kích, đam mê lý tưởng (2), sự thay đổi theo chiều hướng tích cực trong đời sống tinh thần của con người (3), sự quyết tâm không lùi bước (4). Ấn dụ ý niệm VUI LÀ MÀU SẮC, do vậy, còn được biểu hiện ở ẩn dụ thứ cấp SỰ ĐAM MÊ, Ý CHÍ LÀ MÀU ĐỎ.

Xuất phát từ sự tương đồng giữa tính bắt mắt của màu – sự thu hút mạnh mẽ của lý tưởng, tính nhiệt của màu – sự mạnh mẽ, quyết liệt của ý chí, tiếng Việt thường dùng từ chỉ màu đỏ và sắc độ của màu (*son, hồng, chói, rực...*) để chỉ hoạt động tâm lý: đam mê, ý chí của con người. Giá trị biểu đạt của màu đỏ trong quan niệm của người Việt được dùng để thể hiện giá trị tích cực trong cảm xúc con người.

+ HI VỌNG LÀ MÀU XANH

Xuất phát từ các đặc tính của màu được con người cảm nhận, màu xanh gắn liền với đời sống văn hóa tinh thần của con người. Được xem là màu của thiên nhiên, của sự sinh trưởng, màu xanh được con người tri nhận gắn liền với những thuộc tính đem lại cho con

người những khoái cảm tinh thần và theo truyền thống, nó là màu của hi vọng. Nghiên cứu nguồn ngữ liệu trong từ điển và trong tác phẩm văn học, chúng tôi nhận thấy rằng, người Việt có xu hướng sử dụng các từ chỉ màu xanh với các sắc độ khác nhau như *biếc, thắm, thẫm... để diễn tả niềm tin, hi vọng: hi vọng xanh tươi, ước mơ xanh, đời vẫn xanh rờn rọi, giờ phút xanh...* Các thuộc tính cổ hữu đặc trưng của màu xanh – xanh dương: sắc độ tươi mát, tính nhiệt thấp được chiếu xạ lên miền Đích trong tư duy con người – cảm xúc, định hình cảm giác an yên, nhẹ nhàng mà chắc chắn. *Hi vọng xanh*, mang sự bền bỉ lan tỏa dịu nhẹ mà tha thiết. Cụm từ *giờ phút xanh* chỉ khoảng thời gian mơ mộng, con người chìm trong cảm giác yên bình, tách biệt. Trong lúc mà con người đang đối mặt với khí thải, tiếng ồn, với những nhân tố gây nên những căng thẳng xung quanh thì màu xanh của sự tĩnh lặng thật là quý hiếm. Nó khiến con người có cảm giác yên bình, thấp lùn trong con người một niềm tin vững chắc. Trong tiếng Việt, sắc xanh của bầu trời được dùng biểu trưng cho niềm tin, hi vọng, cuộc sống tươi đẹp với nhiều cấp độ khác nhau gắn với thuộc tính chuyên biệt về sắc độ của màu như: *biếc, ngời, thắm...* góp phần nâng ý nghĩa biểu trưng của màu xanh lên mức cao nhất, thể hiện trọn vẹn nhất các thuộc tính của cảm xúc ở miền Đích:

(1) *Tay tôi còn bốn còn chằm*

Thì đồng còn có tháng năm tháng mười

Ngày mai từ vết chân người

Màu xanh lên với chân trời mở ra

(Đinh Nam Khương - *Từ những vết chân người*).

(2) *Nắng đi thẳng, mưa đi vòng*

Như tình yêu vậy, đường cong đi hoài

Đằm trong hơi thở đất đai

Màu xanh sẽ rộng, sẽ dài mai sau.

(Hà Thiên Sơn - *Mưa đêm*)

(3) *Nhưng cái màu xanh rất sâu*

Của bãi sù, hàng dương, vườn chuối

Vẫn can đảm màu xanh lấn tới

Và con người chung sống với màu xanh.

(Xuân Quỳnh – *Một vùng cửa sông*)

Thuộc nhóm màu lạnh (xanh lục, xanh lam, xanh dương), màu xanh được coi là màu mát mẻ, màu của nước, của cây, của thiên nhiên gợi lên sự êm đềm, thư giãn, một chút kín đáo và riêng tư. Trong tiếng Việt, màu xanh được dùng với nhiều tầng ý nghĩa biểu trưng khác nhau. Lựa chọn màu xanh để diễn tả về cuộc sống, về niềm tin vào tương lai là lựa chọn đặc trưng mang tính phổ quát nhân loại, bởi lẽ màu xanh là màu gần nhất với cuộc sống. Cái đặc sắc của tiếng Việt, của tư duy người Việt là diễn tả cảm xúc thông qua những thuộc tính của màu xanh ở phạm vi, đối tượng vừa quen thuộc vừa độc đáo: *bầu trời, đất đai, thiên nhiên* kết hợp các cụm từ đi kèm *mở ra* (1), *rộng, dài* (2), *lấn tới* (3) góp phần nâng ý nghĩa biểu trưng của màu xanh lên mức cao nhất, các đặc tính của cảm xúc tin tưởng, hi vọng được định hình rõ ràng, tinh tế. Giá trị biểu đạt sức sống của màu xanh hướng người ta tin tưởng, hi vọng vào một ngày mai tươi sáng, không còn bão tố. Ở các ví dụ trên, miền nguồn màu xanh biểu trưng cho miền đích là hi vọng, niềm tin của con người. Ở đây, tương quan giữa hai miền ý niệm Nguồn – Đích được thể hiện dựa trên sự liên tưởng

sắc độ tươi sáng - sức sống; cảm giác về nhiệt độ thấp (tính nhiệt) – sự lâu bền, lan tỏa. Cách tri nhận thuộc tính cảm xúc vui tươi, hi vọng gắn với các thuộc tính của màu xanh trong tiếng Việt vừa mang tính phổ quát vừa mang tính độc đáo, chuyên biệt khi gắn liền với các sự vật, hiện tượng gần gũi với đời sống văn hóa dân tộc.

2.2.2. Ẩn dụ BUỒN LÀ MÀU SẮC

Cơ chế tri nhận ẩn dụ ý niệm màu sắc gồm miền nguồn màu sắc và miền đích cảm xúc con người. Bản chất của ánh xạ từ miền nguồn lên miền đích được các nhà ngôn ngữ học chỉ ra: một miền nguồn có thể ánh xạ lên nhiều miền đích khác nhau, và trên thực tế, hầu hết các miền nguồn đều ánh xạ không chỉ một mà là một vài miền đích. Điều đặc biệt ở đây, với vai trò miền nguồn, màu xanh ánh xạ lên hai miền đích có đặc trưng trái ngược nhau: buồn – vui trong tri nhận miền đích cảm xúc. Thực tế trong tiếng Việt ẩn dụ BUỒN gắn liền với màu xanh, thể hiện qua ẩn dụ BUỒN LÀ MÀU XANH.

+ BUỒN LÀ MÀU XANH

Sự tri nhận màu sắc của con người nói chung và trong tiếng Việt nói riêng, như các nhà ngôn ngữ học tri nhận đã chỉ ra, có nguồn gốc từ chính sự trải nghiệm của con người và “việc tri nhận màu sắc của con người là sản phẩm của sự kết hợp giữa thần kinh thị giác với khả năng tri nhận của não bộ, nó không phải là một tổ hợp cơ năng tri nhận hoàn toàn khách quan, độc lập nằm ngoài chủ thể tri nhận, mà được tạo ra từ thế giới hiện thực” [5; tr. 80]. Điều này cho thấy tính không thể tách rời giữa tâm lý và sinh lý khi “một loại kích thích có thể kích hoạt nhiều tri giác của các giác quan khác nhau, tạo nên sự cộng minh não bộ” [5; tr.81]. Cơ chế chuyển đổi cảm giác này tạo thành cơ sở tâm sinh lý để con người nhận biết sự vật. Chính vì thế, màu sắc dường như có thêm độ sâu, độ lạnh, độ nóng. Trong ẩn dụ ý niệm BUỒN LÀ MÀU SẮC, màu xanh gắn liền với cảm xúc buồn của con người. Trong ẩn dụ BUỒN LÀ MÀU XANH, khi miền nguồn – màu xanh ánh xạ lên miền đích CẢM XÚC thì đặc trưng được lựa chọn là sắc độ có tính chuyên biệt, gắn liền với xu hướng tiêu cực của cảm xúc:

(1) *Chợt hôn xanh buốt cho mình xót xa.*

(Trịnh Công Sơn – Diễm xưa).

(2) *Nghe tiếng hát xanh xao của một buổi chiều...*

(Trịnh Công Sơn – Lời buồn thánh)

(3) *Một lớp học băng khuâng màu xanh rủ*

Sân trường đêm rụng xuống trái bàng đêm

(Hoàng Nhuận Cầm – Chiếc lá đầu tiên)

(4) *Là thế chiều đi, núi ngoài đầu*

Nghe từ hương ảm mãi tan lâu

Nghe từ nẻo vắng nguồn xa ấy

Một thoáng xanh về...sông biếc sâu.

(Điền Ngọc Phách -Thoáng quê)

Ẩn dụ màu xanh (xanh lam) vốn chỉ có trong văn hóa phương Tây, văn hóa Anglo chịu ảnh hưởng của văn hóa Hy Lạp. Trong tiếng Anh hiện đại “nhạc màu xanh lam” là thể loại nhạc có tiết tấu và ca từ có âm hưởng buồn (diễn tả sự tan vỡ). Trong tiếng Việt, đặc biệt là trong thơ, ẩn dụ nỗi buồn gắn với màu xanh đi liền với các đặc trưng như *mềm, rủ, buốt, rêu, xanh xao...* thuộc tính sắc độ của màu được con người cảm nhận dựa trên những

“phản ứng” tương ứng của những giác quan khác: xúc giác, thính giác, vị giác, khứu giác. Những từ ngữ thuộc vùng tri nhận này có giá trị biểu trưng cho vùng tri nhận vốn phức tạp và trừu tượng như cảm xúc của con người. Chuyển đổi cảm giác tạo nền tảng cho sự phương thức tri nhận ẩn dụ ý niệm BUỒN LÀ MÀU SẮC trong tiếng Việt.

Ẩn dụ BUỒN LÀ MÀU XANH trong tiếng Việt thường xuất hiện trong những ngữ cảnh mà sự vật, hiện tượng khiến con người cảm thấy cảm xúc chùng xuống: *mưa, tiếng hát buồn, không gian vắng vẻ, thời gian* như dừng lại khiến nỗi buồn như đóng băng lại (2) (4), các thuộc tính sắc độ kém tươi, tính nhiệt thấp chiếu xạ lên miền cảm xúc của con người khiến nỗi buồn được cảm nhận đa chiều (4). Ẩn dụ định hướng BUỒN LÀ HUỐNG XUỐNG được các nhà ngôn ngữ học tri nhận giải thích có cơ sở vật lý, sinh lý cụ thể, rõ ràng gắn với những tư thế thường nhật của con người khi buồn là: ngồi, co ro, thu mình... và cảm giác buồn chán, tuyệt vọng như rớt xuống, chìm sâu, nặng nề. Thể hiện BUỒN LÀ MÀU XANH tuy không thể hiện rõ rệt xu hướng “xuống” theo cơ chế vật lý. Nhưng thuộc tính được lựa chọn - cảm giác nhiệt độ về màu (tính nhiệt) của xanh được cảm nhận thấp khiến con người liên tưởng đến nước hoặc đá, ánh xạ lên miền đích cảm xúc của con người, tương ứng với sự chùng xuống, ủ rũ do nỗi buồn mang lại. Đặt trong sự kết hợp CON NGƯỜI LÀ CÂY CỎ, ẩn dụ BUỒN LÀ MÀU XANH trong tiếng Việt được thể hiện hết sức đặc biệt, gây hiệu ứng mạnh ở người đọc, người nghe. Thiên nhiên, cây cỏ, thời gian, không gian *xanh biếc, xanh xao, xanh rử...* khiến con người như nhuộm màu rêu phong, u buồn, tĩnh tại:

Ôi tiếng buồn rơi đều

Nhìn lại mình đời đã xanh rêu.

(Trịnh Công Sơn, Tình xa)

Trong cái vô hạn của thời gian, trong không gian rộng lớn, màu xanh tác động vào cảm xúc, khiến con người cảm nhận “đời mình đã xanh rêu”, nỗi buồn về cuộc sống màu xanh. Màu xanh là màu của cảm xúc, tâm trạng buồn.

2.2.3. GIẬN DỮ LÀ MÀU SẮC

Theo quan điểm của lý thuyết điển dạng, các tình cảm khác nhau sẽ tạo ra những phạm trù khác nhau, trong đó tình cảm cơ bản có vị trí của thành viên trung tâm, tức là ở vai điển dạng, đồng thời kèm theo những thể hiện nét mặt và vận động cảm giác có thể nhận diện được một cách dễ dàng bằng những cảm nhận hoàn chỉnh. Khi nghiên cứu một ví dụ về “tức giận”, Lakoff [8] đã chứng minh ý niệm tình cảm có cơ sở sinh lý. Thông thường con người ta cảm nhận hệ quả sinh lý của sự giận dữ thông qua sự thay đổi về nhiệt độ cơ thể, sắc mặt, ánh mắt. Theo đó, sự giận dữ có thể làm tăng nhiệt độ cơ thể, kích động cảm quan, khiến con người mất kiểm soát hành vi. Những biến đổi sinh lý này tạo cơ sở cho việc ý niệm hóa hiện tượng trên, hình thức biểu đạt bằng ngôn ngữ tạo nên hệ thống cấu trúc ý niệm để biểu đạt loại tình cảm này bằng ẩn dụ ý niệm màu sắc trong thành ngữ tiếng Việt:

(1) *Nó giận đỏ mặt.*

(2) *Nó tức đến nổi mặt đỏ tía tai, cổ bạnh ra.*

(3) *Bầm gan tím ruột*

(4) *Tím gan tím ruột*

(5) *Thâm gan tím ruột*

Giận là loại cảm xúc được cho là tiêu cực nên màu sắc để biểu thị cho loại cảm xúc

này thường là những màu sắc có nằm ở gam màu mạnh, tối. Trong tiếng Việt, cảm xúc giận dữ được tri nhận thông qua miền nguồn màu sắc: *đỏ, tím, xanh (đậm), bầm, thâm*. Nếu trong ẩn dụ VUI LÀ MÀU SẮC, màu đỏ được dùng để biểu thị hướng tích cực của các cảm xúc dương tính, nó khiến con người ta liên tưởng đến sự mạnh mẽ, năng động và đam mê. Thì khi có mặt với tư cách là miền nguồn của sự giận dữ, *đỏ* được chú ý bởi đặc tính được lựa chọn là tính nhiệt cao, khiến con người ta liên tưởng đến sự hung hăng, tàn bạo. Về mặt sinh học, khi tức giận, nhịp tim và huyết áp tăng đẩy lượng máu dồn lên mặt và bề ngoài các bộ phận khác như tay, chân, cổ... Đây là cơ sở sinh lý cho việc cảm nhận sự giận dữ ở một người nào đó (1), (2). Các sắc độ *bầm, thâm* đi liền với các gam màu tối như *xanh, tím* kết hợp với các bộ phận trong ngũ tạng của con người như gan, ruột khiến của con ta hình dung đến sự tàn phá của sự nóng giận đối với cơ thể. Được kiến tạo từ kinh nghiệm tri giác của con người, ẩn dụ GIẬN DỮ LÀ MÀU SẮC do vậy mang tính phổ quát đồng thời vẫn mang nét đặc thù trong cách tư duy của người Việt.

3. Kết luận

Màu sắc có ảnh hưởng đến tâm lý và cảm xúc của con người. Mỗi loại màu sắc có ý nghĩa và chức năng riêng với từng loại cảm xúc. Việc tìm hiểu hệ thống từ ngữ biểu đạt màu sắc trong tiếng Việt từ nhiều góc nhìn khác nhau, trong đó có góc nhìn ngôn ngữ học đã được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm. Nghiên cứu phương thức tư duy của người Việt gắn với thuộc tính, giá trị biểu đạt của màu sắc dưới góc nhìn tri nhận là một sự thử nghiệm. Từ những phân tích về mô hình ẩn dụ ý niệm CẢM XÚC CON NGƯỜI LÀ MÀU SẮC, cung cấp thêm cơ sở cho phép khám phá cách thức tư duy của người Việt về màu sắc. Các ẩn dụ ý niệm tiêu biểu VUI LÀ MÀU SẮC, BUỒN LÀ MÀU SẮC, GIẬN DỮ LÀ MÀU SẮC cho thấy sự tri nhận về cảm xúc có liên quan đến sự tri nhận, trải nghiệm của con người đối với thuộc tính của thiên nhiên, đời sống con người – màu sắc nói chung gắn liền với sự vật, hiện tượng quen thuộc, gần gũi với đời sống văn hóa dân tộc. Ẩn dụ ý niệm CẢM XÚC CON NGƯỜI LÀ MÀU SẮC vì thế thể hiện đặc trưng trong phương thức tư duy của người Việt□

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Trần Văn Cơ (2007), *Ngôn ngữ học tri nhận – Ghi chép và suy nghĩ*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [2] Trần Văn Cơ (2011), *Từ điển*, Nxb Phương Đông, TP. Hồ Chí Minh.
- [3] Nguyễn Thị Bích Hạnh (2014), *Ẩn dụ ý niệm trong ca từ Trịnh Công Sơn*, Luận án Tiến Sĩ Ngữ văn, Hà Nội.
- [4] Nguyễn Hoài Nguyên (2011), *Ẩn dụ ý niệm tình yêu là cuộc hành trình trong thơ Xuân Diệu*, <http://khópnv.vinhuni.edu.vn/nguyen-cuu-khoa-hoc/ly-luan-ngon-ngu/seo/an-du-y-niem-tinh-yeu-la-cuoc-hanh-trinh-trong-tho-xuan-dieu-67109>.
- [5] Triệu Diễm Phương (2011), *Dẫn luận Ngôn ngữ học tri nhận*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [6] Phạm Thị Hương Quỳnh (2016), *Ẩn dụ ý niệm về vị trí/khu vực trong thơ Xuân Quỳnh*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học.
- [7] Lý Toàn Thắng (2009), *Ngôn ngữ học tri nhận từ lý thuyết đại cương đến thực tiễn*

tiếng Việt, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

- [8] G. Lakoff, M. Johnon (1980), *Metaphors We live by*, The University of Chicago Press, Chicago and London.
- [9] Kovecses, Zoltan (2004), *Metaphor and Emotion: Language, Culture, and body in Human Feeling*, CUP, Cambridge.
- [10] Lê Lâm Thi (2016), *Ảnh dụ phạm trù về lửa trong tiếng Pháp và tiếng Việt từ góc nhìn tri nhận*, Luận án Tiến sĩ Ngôn ngữ học.

(Ngày nhận bài: 10/05/2018; ngày phản biện: 29/05/2018; ngày nhận đăng: 07/08/2018)